

Số/No.: 2505826-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505319/KG
Mã số mẫu/ : 25051362
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 07/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Nhơn Nghĩa A
- Ấp: Nhơn Phú 1, Xã: Nhơn Nghĩa A, Huyện: Châu Thành A

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024



Mã số/ Code : 2505319/KG
Mã số mẫu/ : 25051363
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,28	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	KPH (LOD=0,15)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,04	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.
- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505826-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505319/KG
Mã số mẫu/ : 25051363
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 07/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Nhơn Nghĩa A
- Ấp: Nhơn Phú 1, Xã: Nhơn Nghĩa A, Huyện: Châu Thành A
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)



Số/Vo: 2505319/KG
Trang/Page: 2/2

Mã số/ Code : 2505319/KG
Mã số mẫu/ : 25051364
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,25	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	KPH (LOD=0,15)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,11	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*) : Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.
- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505826-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505319/KG
Mã số mẫu/ : 25051364
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 07/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Đỗ Thành Tâm
- Trạm Nhơn Nghĩa A
- Ấp: Nhơn Phú 1, Xã: Nhơn Nghĩa A, Huyện: Châu Thành A

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)



Số/No. : 2505835-1/KQ
Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2505330/KG
Mã số mẫu/ : 25051391
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,50	0,2 - 1,0
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
6	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
7	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,12	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505835-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505330/KG
Mã số mẫu/ : 25051391
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 07/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Tân Phước Hưng
- Ấp: Phó Đường, xã: Tân Phước Hưng, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KÝ MỚI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THỂ KÝ MỚI (NEWCENLAB)
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024



Mã số/ Code : 2505330/KG
Mã số mẫu/ : 25051392
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCDP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,53	0,2 - 1,0
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	KPH (LOD=0,15)	2
6	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
7	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,21	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCDP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505835-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505330/KG
Mã số mẫu/ : 25051392
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 07/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Tân Phước Hưng
- Ấp: Phó Đường, xã: Tân Phước Hưng, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)



Số/No: 2505835-3/KQ
Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2505330/KG
Mã số mẫu/ : 25051393
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,35	0,2 - 1,0
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	KPH (LOD=0,15)	2
6	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
7	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,09	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.
- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505835-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505330/KG
Mã số mẫu/ : 25051393
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 07/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Võ Hoàng Nam
- Trại Tân Phước Hưng
- Ấp: Phó Đường, xã: Tân Phước Hưng, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024

Số/No.: 2505837-1/KQ

Trang/Page: 2/2

TKM DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

TKM THỂ KỶ MÔI TRƯỜNG

TKM NH PHỐ HỒ

Mã số/ Code : 2505333/KG

Mã số mẫu/ : 25051398

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,64	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,18	6,0 - 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality in Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality in Hau Giang Province

Số/No.: 2505837-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505333/KG
Mã số mẫu/ : 25051398
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 07/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Phương Bình
- Ấp: Phương Quới, xã: Phương Bình, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024

Số/No.: 2505837-2/KQ

Trang/Page: 2/2

Mã số/ Code : 2505333/KG

Mã số mẫu/ : 25051399

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,50	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 ⁽ⁱ⁾	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,08	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505837-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505333/KG
Mã số mẫu/ : 25051399
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 07/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Phương Bình
- Ấp: Phương Quới, xã: Phương Bình, huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024

Số/No: 2505837-3/KQ

Trang/Page: 2/2

Mã số/ Code : 2505333/KG

Mã số mẫu/ : 25051400

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,46	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,52	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,15	6,0 - 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/

Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505837-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505333/KG
Mã số mẫu/ : 25051400
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 07/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Nguyễn Trương Phúc Tâm
- Trạm Phương Bình
- Ấp: Phương Quới, xã: Phương Bình, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024



Mã số/ Code : 2505335/KG
Mã số mẫu/ : 25051402
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,25	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,00	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhân xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505838-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505335/KG
Mã số mẫu/ : 25051402
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 07/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn

- Trạm Hòa Mỹ

- Ấp: Mỹ Thành, xã: Hòa Mỹ, huyện: Phụng Hiệp

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.

- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỸ MỚI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THỂ KỸ MỚI (NEWCENLAB)
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024

Số/No: 2505838-2/KQ

Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2505335/KG

Mã số mẫu/ : 25051403

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,21	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	6,94	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality in Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality in Hau Giang Province

Số/No.: 2505838-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505335/KG
Mã số mẫu/ : 25051403
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 07/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Nguyễn Văn Khải
- Trạm Hòa Mỹ
- Ấp: Mỹ Thành, xã: Hòa Mỹ, huyện: Phụng Hiệp
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẺ KÝ MỜI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẺ KÝ MỜI (NEWCENLAB)
Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287 Email: info@newcenlab.com Web: newcenlab.com
Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02-BM03 Lần ban hành: 06 Ngày hiệu lực: 31/12/2024



Mã số/ Code : 2505336/KG
Mã số mẫu/ : 25051404
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,35	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,14	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality in Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality in Hau Giang Province